TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2024/DS-ST
Ngày 30/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Minh

Ông Tống Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 02 và 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024QĐXXST-DS ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Bích P**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/12/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Bích P trình bày: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có tham gia các dây hụi do chị làm đầu thảo cụ thể như sau:

Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 06/4^{âl}/2020, có 15 phần, một tháng khui một lần, đến ngày 06/6^{âl}/2021 mãn hụi, chị T tham gia 01 phần và đã hốt vào kỳ hụi thứ nhất nên phải đóng lại 14 kỳ hụi, chị T đã đóng được 10 kỳ còn nợ lại 04 kỳ với số tiền 20.000.000 đồng.

Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 26/9^{âl}/2020, có 15 phần, một tháng khui một lần, đến ngày 26/11^{âl}/2021 mãn hụi, chị T tham gia 01 phần và đã hốt vào kỳ hụi thứ nhất nên phải đóng lại 14 kỳ hụi, chị T đã đóng được 05 kỳ còn nợ lại 09 kỳ với số tiền 45.000.000 đồng.

Dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 24/12/âl/2020, có 15 phần, một tháng khui một lần, đến ngày 24/02âl/2022 mãn hụi, chị T tham gia 01 phần và đã hốt vào kỳ hụi thứ nhất nên phải đóng lại 14 kỳ hụi, chị T đã đóng được 01 kỳ còn nợ lại 13 kỳ với số tiền 65.000.000 đồng. Tổng cộng 03 dây hụi chị T còn nợ chị số tiền 130.000.000 đồng nên chị yêu cầu chị T trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa chị Lê Bích P trình bày: Chị không làm đầu thảo và cũng không tổ chức chơi hụi như hụi truyền thống mà chị tổ chức "chầu hụi", khi chị T cần tiền thì hai bên thỏa thuận "chầu hụi" với hình thức mỗi dây hụi 5.000.000 đồng, có 15 phần nhưng chỉ có chị T tham gia mà không có hụi viên nào khác, chị T tự kêu lời 1.500.000 đồng, sau khi trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng thì chị T hốt được 46.500.000 đồng, sau đó mỗi tháng đóng lại 5.000.000 đồng cho đến khi đủ 15 phần, với hình thức "chầu hụi" như trên chị T đã tham gia 03 dây hụi và còn nợ chị số tiền 130.000.000 đồng, nên chị yêu cầu chị T trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị có tham gia 03 dây hụi do chị P làm đầu thảo và còn nợ số tiền 130.000.000 đồng là đúng, chị đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T xác định chị có tham gia 03 dây hụi của chị P làm đầu thảo, nhưng chị P không có đưa giấy hụi và danh sách hụi viên cho chị xem và chị cũng không biết dây hụi có bao nhiêu hụi viên, chị P tổ chức chơi hụi hình thức như thế nào. Chị T xác định ngày 24/12/âl/2020 chị tham gia 01 phần hụi và hốt được 46.500.000 đồng nhưng trừ hụi chết chị chỉ nhận được 36.500.000 đồng, dây hụi này chị đã đóng xong. Ngày 26/9âl/2020 chị tham gia 01 phần hụi hốt được 46.500.000 đồng, chị đóng được 07 lần, còn nợ 08 lần là 35.000.000 đồng. Ngày 06/4âl/2020 chị tham gia 01 phần hụi hốt được 46.500.000 đồng nhưng trừ hụi chết chị nhận được 28.500.000 đồng, chị đóng được 01 lần còn nợ 14 lần là 70.000.000 đồng, tổng cộng chị còn nợ chị P 105.000.000 đồng nhưng số tiền này bao gồm cả lãi, nếu trừ tiền lãi thì chị chỉ còn nợ 30.000.000 đồng tiền vốn nên chị chỉ đồng ý trả là 30.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P yêu cầu chị T trả tiền của 03 dây hụi còn nợ là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị P xác định chị không làm "đầu thảo" và không mở các dây hụi để chị T và những hụi viên khác cùng tham gia, nên chị không có làm văn bản thỏa thuận cụ thể về dây hụi (như dây hụi có bao nhiêu phần, số lượng thành viên tham gia, thể thức góp hụi, lĩnh hụi như thế nào). Chị tổ chức "chầu hụi" với hình thức khi chị T cần tiền thì đề nghị chị mở dây hụi, với hụi viên duy nhất là chị T ngoài ra không có hụi viên nào khác, hai bên tự thỏa thuận mỗi dây hụi 5.000.000 đồng và có 15 phần, chị T tự kêu lời mỗi dây

là 1.500.000 đồng, sau khi trừ 2.500.000 đồng tiền hoa hồng thì chị T nhận được 46.500.000 đồng, chị T phải đóng lại 14 phần hụi chết, mỗi phần là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự quy định "*Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ)là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên*". Như vậy, việc chị P tổ chức "chầu hụi" với hình thức nêu trên là không đúng với quy định pháp luật về hụi. Do đó, đối với yêu cầu chị T trả số tiền 130.000.000 đồng của 03 dây hụi còn nợ chưa đóng không phải là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" mà là "Tranh chấp đòi tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị P yêu cầu chị T trả 130.000.000 đồng tiền hụi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào các biên nhận "giao tiền hụi" ngày 24/12/âl/2020 , ngày 26/9âl/2020 và ngày 06/4âl/2020 do chị P cung cấp có nội dung thể hiện chị T có tham gia "chầu hụi" do chị P tổ chức. Tuy nhiên, việc chị P và chị T thỏa thuận "chầu hụi" là không đúng với quy định pháp luật về hụi tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử không căn cứ theo quy định pháp luật về hụi để giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ vào 03 biên nhận "giao tiền hụi" và tại phiên tòa chị P và chị T đều thừa nhận thực tế chị T có 03 lần nhận tiền của chị P cụ thể như sau:

Ngày 24/12/âl/2020 chị P và chị T thỏa thuận "chầu hụi" 5.000.000 đồng/tháng, có 15 phần, chị T kêu 1.500.000 đồng, hốt được 49.000.000 đồng (14 phần x 3.500.000 đồng = 49.000.000 đồng), trừ 2.500.000 đồng tiền đầu thảo thì còn 46.500.000 đồng, nhưng trừ thêm 10.000.000 đồng tiền hụi chết chị T nợ trước đó nên số tiền chị T thực nhận là 36.500.000 đồng.

Ngày 26/9âl/2020 chị P và chị T thỏa thuận "chầu hụi" 5.000.000 đồng/tháng, có 15 phần, chị T kêu 1.500.000 đồng, hốt được 49.000.000 đồng (14 phần x 3.500.000 đồng = 49.000.000 đồng), trừ 2.500.000 đồng tiền đầu thảo thì số tiền chị T thực nhận là 46.500.000 đồng.

Ngày 06/4âl/2020, chị P và chị T thỏa thuận "chầu hụi" 5.000.000 đồng/tháng, có 15 phần, chị T kêu 1.500.000 đồng, hốt được 49.000.000 đồng (14 kỳ x 3.500.000 đồng = 49.000.000 đồng), trừ 2.500.000 đồng tiền đầu thảo thì còn 46.500.000 đồng, trừ hụi chết 15.000.000 đồng và 3.000.000 đồng thì số tiền chị T thực nhận là 28.500.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa chị P và chị T đều thừa nhận 03 biên nhận "giao tiền hụi" do chị P viết, chị T ký tên, đối với biên nhận ngày 06/4âl/2020 thì chị T không ký tên nhưng chị T thừa nhận có nhận 28.500.000 đồng của chị P vào ngày 06/4âl/2020. Do đó, có căn cứ xác định số tiền chị T thực nhận của chị P tổng cộng là 111.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị P xác định đối với "dây hụi" ngày 24/12/âl/2020 chị T đóng được 01 kỳ là 5.000.000 đồng, "dây hụi" ngày

06/4âl/2020 chị T đóng được 10 kỳ là 50.000.000 đồng, "dây hụi" ngày 26/9âl/2020 chị T đóng được 05 kỳ là 25.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị T đã đóng được cho chị P là 80.000.000 đồng và còn nợ lại 31.500.000 đồng nên chị T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị P số tiền 31.500.000 đồng. Do đó, chị P yêu cầu chị T trả số tiền 130.000.000 đồng của các dây hụi chưa đóng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa chị T xác định "dây hụi" ngày 24/12/âl/2020 chị đã đóng xong, "dây hụi" ngày 26/9âl/2020 chị đóng được 07 lần còn nợ 08 lần là 35.000.000 đồng, "dây hụi" ngày 06/4âl/2020 chị đóng được 01 lần còn nợ 14 lần là 70.000.000 đồng, tổng cộng chị còn nợ chị P 105.000.000 đồng nhưng số tiền này bao gồm cả tiền lãi, nếu trừ tiền lãi thì chị chỉ còn nợ 30.000.000 đồng tiền vốn, nên chị chỉ đồng ý trả 30.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Đối với số tiền chị T thừa nhận còn nợ chị P là 105.000.000 đồng, trong đó chỉ có 30.000.000 đồng là tiền vốn nhưng chị T không tính được lãi suất cụ thể như thế nào, không có chứng cứ gì chứng minh và không được chị P thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của chị T.

[4] Việc chị T chỉ đồng ý trả cho chị P 30.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng là không có căn cứ và cố tình kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị P nên cần phải buộc chị T trả số tiền 31.500.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Chị T và chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 3 Điều 26, điểm khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 166, 357, 468, khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Bích P.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Bích P số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm nghìn đồng), trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Bích P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Ngọc T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Bích P, yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc T trả số tiền 98.500.000 đồng (Chín mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

3. Án phí: Chị Lê Bích P phải chịu 4.925.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014842 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên chị Lê Bích P phải đóng tiếp 1.675.000 đồng (Một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 1.575.000 đồng (Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan